

Số: 02 /KL-TTr

Bắc Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2024

KẾT LUẬN
Thanh tra chuyên ngành giáo dục đối với
Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hiệp Hòa

Thực hiện Quyết định số 66/QĐ-TTr, ngày 21/11/2023 của Chánh Thanh tra Sở GDĐT tỉnh Bắc Giang về việc thanh tra chuyên ngành giáo dục đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) huyện Hiệp Hòa (từ ngày 28/11/2023). Đoàn thanh tra đã tiến hành làm việc trực tiếp tại Phòng GDĐT và tiến hành kiểm tra các trường mầm non (MN): Danh Thắng, Đức Thắng; các trường tiểu học (TH): Thanh Vân, Thường Thắng; các trường trung học cơ sở (THCS): Danh Thắng, Xuân Cầm.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 03/BC-ĐTTr ngày 26/12/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở GDĐT kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Phòng GDĐT Hiệp Hòa là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) huyện, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện.

1. Quy mô trường lớp

Năm học 2023-2024, toàn huyện có 89 trường học (MN 31 trường, trong đó có 30 trường công lập, 01 trường tư thục; TH có 32 trường; THCS có 24 trường; TH&THCS có 02 trường) với 1.931 nhóm, lớp và 64.789 học sinh: trong đó MN có 644 nhóm, lớp với tổng số 18.311 trẻ huy động theo kế hoạch¹; TH có 825 lớp với 27.256 học sinh; THCS có 442 lớp với 19.222 học sinh.

2. Về đội ngũ

- Tổng số cán bộ, công chức của Phòng GDĐT đến tháng 10/2023 là 07 người (04 lãnh đạo, 03 chuyên viên).

- Tổng số cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV) các trường công lập (tính đến tháng 10/2023) được giao 3.468 người (MN: 1.211 người, TH: 1.359 người, THCS: 898 người); biên chế thực hiện đến ngày 01/10/2023 là 3.304 người (MN: 1.120 người, TH: 1.299 người, THCS: 885 người), cụ thể:

+ Bậc MN: biên chế và hợp đồng theo NQ19 được giao 1.211 người (91 CBQL, 1.060 GV, 60 NV hành chính); biên chế hiện có là 1.120 người (90 CBQL, 971 GV, 59 NV hành chính); biên chế còn thiếu là 91 người (01 CBQL, 89 GV, 01 NV hành chính). Tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 1,86 giáo viên/lớp.

+ Bậc TH: biên chế được giao 1.359 người (79 CBQL, 1.156 GV, 32 tổng phụ trách, 92 NV hành chính); biên chế hiện có là 1.299 người (74 CBQL, 1.108 GV, 32 tổng phụ trách, 85 NV hành chính); biên chế còn thiếu 60 người (05 CBQL, 48 GV, 07 NV hành chính). Tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 1,34 giáo viên/lớp.

¹ Mẫu giáo: 519 lớp trong trường công lập; 26 lớp ngoài công lập. Nhà trẻ: 67 nhóm trong trường công lập và 32 nhóm ngoài trường công lập.

+ **Bậc THCS:** biên chế được giao 898 người (52 CBQL, 737 GV, 26 tổng phụ trách, NV 83 hành chính); biên chế hiện có là 885 người (50 CBQL, 731 GV, 26 tổng phụ trách, NV 78 hành chính); biên chế còn thiếu là 13 người (02 CBQL, 06 GV, 05 NV hành chính). Tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 1,65 giáo viên/lớp.

3. Cơ sở vật chất

- Công tác xây dựng CSVC, trường học đạt chuẩn quốc gia được đầu tư theo hướng chuẩn và hiện đại. Giai đoạn 2021-2023, huyện đã dành mọi nguồn lực để đầu tư kiên cố hóa lớp học, khởi công xây mới 513 phòng học, 214 phòng chức năng; trong số đó, nhiều trường được đầu tư xây mới, mở rộng đảm bảo nhu cầu học tập của con em Nhân dân (MN: thị trấn Thắng, Thanh Vân, Hương Lâm khu Hương Cầu; TH: Hòa Sơn, Hương Lâm 2 khu Nội Hương; THCS: Mai Đình, Xuân Cầm;...).

- Tỷ lệ kiên cố hóa phòng học đến thời điểm hiện tại là 96%²; số trường học đạt chuẩn Quốc gia là 86 trường, chiếm tỷ lệ 96,63%, trong đó có 23 trường chuẩn mức độ 2, chiếm tỷ lệ 25,84%.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác kiểm tra chuyên ngành; phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL)

Phòng GDĐT đã bố trí 01 lãnh đạo phụ trách, 01 chuyên viên kiêm nhiệm chỉ đạo và theo dõi công tác kiểm tra chuyên ngành; tuyên truyền, PBGDPL. Trong từng năm học, Phòng GDĐT đã cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền để xây dựng kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trực thuộc thực hiện nhiệm vụ năm học (trong đó có kế hoạch kiểm tra chuyên ngành, PBGDPL); nội dung các kế hoạch cơ bản đã bám sát vào các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Về công tác kiểm tra chuyên ngành:

+ Từ năm học 2021-2022 đến thời điểm thanh tra, Phòng GDĐT đã tổ chức kiểm tra chuyên ngành được 37 trường học (năm học 2021-2022: 14 trường, năm học 2022-2023: 20 trường, năm học 2023-2024 đã ban hành kết luận kiểm tra 03 trường), đảm bảo tiến độ và theo kế hoạch đã xây dựng trong từng năm học. Tuy nhiên, các kế hoạch chưa chi tiết nội dung kiểm tra đối với từng cơ sở giáo dục; chưa có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn hoạt động, nhất là trong bối cảnh dịch Covid-19. Hồ sơ các cuộc kiểm tra chuyên ngành được thiết lập, chưa ghi cụ thể nội dung kiểm tra trong quyết định kiểm tra để các đơn vị được kiểm tra có căn cứ xây dựng báo cáo, chuẩn bị hồ sơ; chưa lựa chọn một số nội dung trọng tâm, trọng điểm phù hợp với đối tượng kiểm tra trong từng cuộc kiểm tra; chưa thực hiện kiểm tra việc khắc phục các tồn tại, hạn chế đã chỉ ra trong kết quả kiểm tra của từng đơn vị được kiểm tra.

+ Trong từng năm học, các trường được kiểm tra đã căn cứ vào hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, ban hành quyết định thành lập ban kiểm tra nội bộ trường học và xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học; nội dung các kế hoạch đã bám sát theo các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, kế hoạch kiểm tra nội bộ của các đơn vị chưa có sự điều chỉnh, bổ sung để phù hợp thực tế hoạt động của nhà trường, nhất là trong thời gian có dịch bệnh Covid-19; chưa tiến hành kiểm tra và đánh giá kết quả khắc phục sau kiểm tra đối với người được kiểm tra.

² Tỷ lệ kiên cố hóa phòng học đạt 96%, trong đó bậc MN đạt 95,8%, bậc TH đạt 94,5%, bậc THCS đạt 99,1%. Toàn huyện còn 68 phòng học cấp 4, 44 phòng học tạm. Về trường học đạt chuẩn Quốc gia: Bậc MN có 30/31 trường chuẩn, tỷ lệ 96,8%, trong đó có 05 trường chuẩn mức độ 2, chiếm tỷ lệ 16,1%. Bậc TH có 31/32 trường chuẩn, tỷ lệ 96,9%, trong đó có 09 trường chuẩn mức độ 2, chiếm tỷ lệ 28,1%. Bậc THCS có 25/26 trường chuẩn, tỷ lệ 96,15%, trong đó có 09 trường chuẩn mức độ 2, tỷ lệ 34,6%.

- Công tác PBGDPL:

+ Công tác tuyên truyền, PBGDPL được Phòng GDĐT quan tâm chỉ đạo và coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm; đã phối hợp với Phòng Tư pháp, công an huyện trong việc tuyên truyền, PBGDPL cho CBQL, GV và học sinh; chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc việc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ pháp chế, kế hoạch tuyên truyền và giáo dục pháp luật; rà soát, bổ sung sách, tài liệu pháp luật vào thư viện.

+ Phòng GDĐT đã xây dựng chuyên mục Phổ biến, giáo dục pháp luật trên cổng thông tin điện tử để phục vụ công tác tra cứu, tìm hiểu pháp luật của CBQL, GV, NV, người học và cha mẹ người học; tuy nhiên việc đăng tải một số văn bản pháp luật và chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng chuyên mục phổ biến pháp luật, định hướng nội dung phổ biến pháp luật từng quý theo hướng dẫn của Sở GDĐT còn chưa kịp thời.

+ Đối với các trường học được kiểm tra: công tác PBGDPL của các đơn vị được thực hiện thông qua việc triển khai tại cuộc họp hội đồng, thông báo trên zalo và các hình thức khác giúp cho đội ngũ CBQL, GV, NV, người lao động, người học và cha mẹ người học nắm bắt kịp thời về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, một số đơn vị chưa cập nhật kịp thời một số văn bản của cấp có thẩm quyền để làm căn cứ xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện (*Công văn số 1408/SGDĐT-TTr ngày 31/8/2023 về việc hướng dẫn thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra năm học; Kế hoạch số 90/KH-SGDĐT ngày 10/10/2023 về triển khai thực hiện "Ngày pháp luật" Việt Nam năm 2023...*).

2. Chỉ đạo việc thực hiện quy chế chuyên môn

Phòng GDĐT đã cập nhật cơ bản đầy đủ các văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền (Bộ GDĐT, UBND tỉnh Bắc Giang, Sở GDĐT,...); kịp thời tham mưu các cấp lãnh đạo ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ về giáo dục; nội dung các văn bản tham mưu ban hành cơ bản phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ năm học của các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND huyện, cụ thể:

2.1. Đối với giáo dục MN

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện:

+ Chương trình GDMN được Phòng GDĐT chỉ đạo, triển khai nghiêm túc, đúng tiến độ; các cơ sở GDMN thực hiện đầy đủ việc xây dựng kế hoạch giáo dục và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục để đảm bảo triển khai Chương trình GDMN. Hằng năm, 100% cơ sở GDMN trên địa bàn huyện hoàn thành kế hoạch giáo dục, hoàn thành Chương trình GDMN; đảm bảo đáp ứng mục tiêu, kết quả mong đợi của Chương trình đối với các độ tuổi.

+ Thực hiện Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”: Năm học 2022 - 2023, Phòng GDĐT chỉ đạo các cơ sở GDMN triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình, 100% cơ sở GDMN xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình; các trường đã thực hiện đảm bảo theo tiêu chí Chương trình, xây dựng sân chơi giao thông, cổng trường an toàn giao thông phù hợp, hiệu quả. Phòng GDĐT đã chỉ đạo các cơ sở GDMN thực hiện nội dung tích hợp, lồng ghép phim hoạt hình, truyện tranh E-book trong hoạt động học (*các trường MN thực hiện hiệu quả Chương trình: MN thị trấn Thắng, MN Mai Đình, MN Đức Thắng, MN Danh Thắng*).

+ Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng xâm hại, bạo hành trẻ em trong cơ sở GDMN; triển khai thực hiện có hiệu quả Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT quy định về xây dựng

trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong cơ sở GDMN. 100% các trường MN đạt tiêu chuẩn Trường học an toàn phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em; tích cực xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ trong cơ sở GDMN; 100% trẻ đến trường được chăm sóc, bảo đảm, tăng cường về sức khỏe; được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần.

+ Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khoẻ và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng; tiếp tục chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả và quản lý chặt chẽ công tác bán trú, chất lượng bữa ăn của trẻ tại cơ sở GDMN theo Công văn số 1449/SGDDĐT-GDMN ngày 18/11/2020 của Sở GDĐT; tăng cường ứng dụng CNTT trong xây dựng thực đơn, khâu phân ăn cho trẻ, thiết lập hồ sơ bán trú;... Trong 03 năm học vừa qua không xảy ra hiện tượng ngộ độc thực phẩm trong trường MN. Một số cơ sở GDMN thực hiện tốt công tác bán trú (*MN Thị trấn Thắng, MN Thanh Vân, MN Mai Đình, MN Đoàn Bái 2, MN Quang Minh, MN Đồng Tân*).

+ Hằng năm, Phòng GDĐT thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng đội ngũ để triển khai thực hiện Chương trình GDMN theo quy định, cụ thể: sau khi tham dự lớp tập huấn, bồi dưỡng do Sở GDĐT tổ chức, Phòng GDĐT triển khai các nội dung bồi dưỡng tới 100% CBQL, GV trong toàn huyện; bước đầu thực hiện đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV; nội dung bồi dưỡng chuyên môn đa dạng và phong phú hơn, phần nào đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN.

+ Triển khai thực hiện nghiêm túc quy định tại Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp MN độc lập loại hình dân lập và tư thục (*hiện toàn huyện có 27 cơ sở GDMN độc lập tư thục*); 27/27=100% cơ sở GDMN độc lập tư thục được cấp phép hoạt động. Năm học 2022-2023, thực hiện chỉ đạo của Sở GDĐT, Phòng GDĐT đã tiến hành kiểm tra hoạt động của 100% cơ sở GDMN độc lập tư thục trên địa bàn, kết quả cụ thể: các cơ sở đảm bảo đủ điều kiện tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (*tiêu chuẩn của chủ cơ sở, quản lý chuyên môn, giáo viên, nhân viên; quy mô nhóm/lớp, số lượng trẻ; điều kiện về phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ...*).

+ Phòng GDĐT đã xây dựng kịp thời Kế hoạch thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” theo hướng dẫn của Sở GDĐT từ năm học 2021-2022; Kế hoạch đã đề ra mục tiêu và lộ trình thực hiện Chuyên đề cụ thể cho từng năm học, số lượng trường MN xây dựng mô hình điểm cấp huyện thực hiện Chuyên đề được tăng dần³; 100% cơ sở GDMN xây dựng Kế hoạch thực hiện Chuyên đề phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị, có các giải pháp và lộ trình thực hiện cụ thể; một số cơ sở GDMN có sự thay đổi rõ rệt và nổi bật trong xây dựng môi trường giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ trung tâm (*MN Mai Đình, MN Hoàng Lương, MN thị trấn Thắng, MN Đức Thắng, MN Danh Thắng, MN Thanh Vân, MN Thường Thắng, MN Đông Lỗ số 1, MN Mai Trung số 2, MN Hùng Sơn*).

- Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện còn một số tồn tại:

+ Về xây dựng kế hoạch giáo dục: một số trường xây dựng kế hoạch chưa đảm bảo cân đối số giờ học trong 01 lĩnh vực (*MN Mai Đình, MN Danh Thắng, MN Đức Thắng*) (*tạo hình: nhiều hoạt động vẽ, ít hoạt động xé dán, in, gấp; âm nhạc: nhiều hoạt động tổ chức cho trẻ hát, ít hoạt động cho trẻ vận động, sinh hoạt văn nghệ cuối chủ đề*); chưa

³ Năm học 2021-2022, toàn huyện có 04/31 trường MN làm mô hình điểm cấp huyện, đến năm học 2022-2023 đã nhân rộng thêm 08 trường MN và tổng số có 12/31 trường MN làm mô hình điểm cấp huyện, năm học 2023-2024 đã nhân rộng thêm 11 trường MN và tổng số có 23/31 trường MN làm mô hình điểm cấp huyện.

đảm bảo phong phú, đa dạng về thể loại của hoạt động (*văn học: nhiều hoạt động tìm hiểu về câu chuyện, bài thơ, ít hoạt động kể chuyện sáng tạo, đóng kịch nên phát huy được sự sáng tạo của trẻ*).

+ Công tác giám sát, chỉ đạo việc xây dựng thực đơn cho trẻ đối với các cơ sở GDMN chưa được Phòng GDĐT tiến hành thường xuyên; do đó, một số cơ sở GDMN xây dựng thực đơn chưa đảm bảo theo hướng dẫn chuyên môn (*MN Đức Thắng, MN Danh Thắng*); tính khẩu phần cho trẻ chưa đảm bảo cân đối tỷ lệ dưỡng chất theo quy định (*MN Mai Đình*).

+ Việc tổ chức bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn của một số trường MN chưa có nhiều sáng tạo, thay đổi về hình thức (*các nội dung còn lặp lại giữa các lần bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn*).

+ Đối với cơ sở MN độc lập tư thực: việc quản lý, hỗ trợ chuyên môn đối với cơ sở MN độc lập tư thực trên địa bàn huyện của Phòng GDĐT chưa tiến hành thường xuyên; do đó, chưa hướng dẫn được cụ thể, chi tiết cho cơ sở tổ chức thực hiện.

+ Về cơ sở vật chất: diện tích khuôn viên, sân trường của một số cơ sở GDMN còn hẹp, sắp xếp các khu vui chơi chưa phù hợp (*MN Đông Lỗ số 3, MN Hoàng An*).

2.2. Đối với giáo dục TH

2.2.1. Công tác quản lý chuyên môn, việc chỉ đạo Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 5

- Trong từng năm học, Phòng GDĐT đã chỉ đạo các trường học trên địa bàn huyện tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; chỉ đạo tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học trong phạm vi trường, cụm trường cấp huyện và cấp tỉnh (*mỗi năm học tổ chức từ 15 đến 20 cuộc với hình thức trực tuyến, trực tiếp; hồ sơ lưu đầy đủ*), trong đó đã bám sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, Sở GDĐT; các trường tiểu học (TH) đã bố trí 01 phòng học/lớp, có đủ thiết bị dạy học tối thiểu (*trung bình mỗi trường bố trí 05 camera phục vụ cho dạy học trực tuyến*), hàng năm các trường đều bổ sung thiết bị dạy học lồng ghép chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong thực hiện Chương trình GDPT 2018; 100% các trường tổ chức dạy học 02 buổi/ngày với 98,16% học sinh được học 02 buổi/ngày; thực hiện đúng kế hoạch dạy học, đảm bảo tiến độ chương trình các môn học; thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình GDPT 2018. Chỉ đạo cán bộ quản lý các trường quan tâm và trực tiếp tham gia dạy lớp 1, 2, 3, 4 để có thể định hướng, tư vấn cho các giáo viên trong quá trình dạy học đạt hiệu quả.

- Phòng GDĐT đã trú trọng chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn GDTH; các cơ sở giáo dục vận dụng linh hoạt dạy học theo phương pháp mới phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương; lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh. Việc chỉ đạo thực hiện 06 mô hình giáo dục linh hoạt đạt hiệu quả cao. Số lượng giáo viên đạt giáo viên tiểu học dạy giỏi cấp tỉnh cao (*76 giáo viên*).

- Việc tổ chức dạy học đối với lớp 5: đã chỉ đạo các nhà trường xây dựng chương trình giáo dục linh hoạt đảm bảo tính vừa sức và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và phù hợp với đối tượng học sinh các lớp; giao quyền cho giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục TH, phù hợp với đối tượng học sinh của lớp mình; đồng thời từng bước thực hiện đổi mới

nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh trên nguyên tắc đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng và phù hợp điều kiện thực tế; tạo điều kiện cho học sinh được học các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

- Chỉ đạo các trường học tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh; các trường tổ chức hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục một cách hiệu quả, thu hút được nhiều thành phần tham gia: cha học sinh, các cơ quan đoàn thể trên địa bàn tham gia vào các hoạt động giáo dục của các nhà trường; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, giá trị sống, kĩ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh.

- Chỉ đạo các trường TH tổ chức dạy học Tiếng Anh theo Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 3, 4, 5 và Chương trình Tiếng Anh làm quen đối với học sinh lớp 1, 2. Việc dạy học tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 1659/SGDDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 09/10/2023 của Sở GDĐT. Tỷ lệ học sinh được học Tin, ngoại ngữ cao (*Tin học lớp 3, 4, 5 đạt 98,915%; Tiếng Anh lớp 3, 4, 5 đạt 100%*). Tuy nhiên, còn trường TH thiếu giáo viên dạy môn Tin học (*TH Hoàng An*).

- Tỷ lệ học sinh trên lớp của một số khối lớp vượt quá quy định của Bộ GDĐT, trường bình quân học sinh/lớp cao nhất 40 học sinh/lớp (*TH TT Thăng, TH&THCS Đồng Tân, TH Ngọc Sơn*).

- Việc chỉ đạo thực hiện mô hình bơi chất lượng chưa cao; toàn huyện mới có 08/34 trường có bể bơi với 9.904/27.990 học sinh biết bơi chiếm tỉ lệ 35,4%.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp, số phòng chức năng hiện tại của một số đơn vị chưa đáp ứng đầy đủ để thực hiện Chương trình GDPT 2018 trong những năm học tiếp theo, tỷ lệ phòng học kiên cố hóa mới đạt 94,5%, thấp hơn mặt bằng chung của tỉnh; còn 01 trường chưa đạt trường TH đạt chuẩn quốc gia (*TH Châu Minh*).

2.2.2. *Quản lý sử dụng sách giáo khoa (lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4), tài liệu giáo dục chuẩn bị cho Chương trình GDPT 2018 lớp 5; thiết bị, đồ dùng, cơ sở vật chất phục vụ dạy và học trong các trường TH*

- Phòng GDĐT đã ban hành văn bản hướng dẫn các trường TH tổ chức thực hiện quy trình lựa chọn sách giáo khoa (SGK) lớp 1 năm học 2020-2021; lớp 1, 2 năm học 2021-2022; lớp 1, 2, 3 năm học 2022-2023 và lớp 1, 2, 3, 4 năm học 2023-2024 theo quy trình, quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền bảo đảm phù hợp với từng trường học⁴. Việc triển khai dạy học theo tài liệu giáo dục địa phương lớp 1, 2, 3, 4: đã tổ chức cho 100% CBQL và GV giảng dạy lớp 1, 2, 3, 4 tham gia tập huấn do Sở GDĐT tổ chức; chỉ đạo các nhà trường nghiên cứu, rà soát tích hợp lồng ghép nội dung giáo dục địa phương vào các môn học một cách linh hoạt, phù hợp với từng cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục TH trên địa bàn huyện làm tổ công tác đề xuất lựa chọn SGK; trên cơ sở SGK đã được UBND phê duyệt, các nhà trường lựa chọn 01 bộ SGK phù hợp sử dụng trong nhà trường.

- Chỉ đạo các nhà trường tổ chức tuyên truyền tới toàn thể CBQL, GV, NV và Nhân dân được biết danh mục SGK sử dụng trong nhà trường các năm học. Tổ chức tuyên truyền tới phụ huynh học sinh trang bị đầy đủ SGK, đồ dùng học tập cho 100% học

⁴ Công văn số 94/PGDDĐT ngày 09/3/2022 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức đề xuất lựa chọn sách giáo khoa lớp 3 trong Chương trình GDPT 2018; Công văn số 106/PGDDĐT ngày 09/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức đề xuất lựa chọn sách giáo khoa lớp 4 trong Chương trình GDPT 2018.

sinh lớp 1, 2, 3, 4. Đồng thời trang bị đầy đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học các khối lớp để phục cho giáo viên giảng dạy; ngoài ra trang bị đủ các đầu sách được Bộ GDĐT phê duyệt trong thư viện để giáo viên tham khảo, tích hợp trong quá trình giảng dạy.

2.3. Đối với giáo dục THCS

- Phòng GDĐT đã tích cực chủ động tham mưu với UBND huyện ban hành các kế hoạch; ban hành các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn các trường học chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình GDPT 2018, tập trung vào bồi dưỡng đội ngũ, nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

- Chỉ đạo các trường THCS thực hiện hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh chuyên đổi số trong công tác quản lý, hoạt động chuyên môn; tiếp tục đổi mới trong sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Chỉ đạo các trường học tăng cường hoạt động ngoại khóa; nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; tăng cường nền nếp, kỷ cương, dân chủ trong nhà trường; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các trường thực hiện quy trình lựa chọn SGK lớp 6 thực hiện từ năm học 2021-2022 và tham dự các buổi hội thảo giới thiệu SGK, tham dự các lớp bồi dưỡng sử dụng SGK, tài liệu giáo dục địa phương. Kết quả: mỗi đơn vị đã lựa chọn được 01 bộ SGK sử dụng từ năm học 2021-2022.

- Hướng dẫn các trường THCS thực hiện việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, tổ chuyên môn, giáo viên; phân công giảng dạy, xây dựng phân phối chương trình, ra đề kiểm tra, dạy chủ đề tích hợp môn Khoa học tự nhiên (KHTN), nội dung giáo dục địa phương (GDĐP), nội dung hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (HĐTNHN)... bước đầu đạt hiệu quả, các trường đã chủ động điều chỉnh nội dung, chương trình cho phù hợp với từng thời điểm trong năm học; nhất là triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Chất lượng giáo dục đại trà được duy trì ổn định, bền vững; chất lượng giáo dục mũi nhọn có chuyển biến tích cực. Thi HSG văn hóa cấp tỉnh: năm học 2021-2022 đoạt 52 giải; năm học 2022-2023 đoạt 58 giải. Cuộc thi KHKT: năm học 2021-2022 đoạt 02 giải (01 giải Nhì, 01 Khuyến khích); năm học 2022-2023 đoạt 02 giải (01 giải Nhì, 01 giải Khuyến khích).

- Đối với các trường được thanh tra, kiểm tra:

+ Các đơn vị đã mở đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục trong nhà trường theo Khoản 1 Điều 21 Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; việc lưu trữ đảm bảo theo quy định. Công tác xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, tổ chuyên môn và GV cơ bản đã bám sát vào các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; kế hoạch bài dạy của GV bước đầu thể hiện các hoạt động học tập cho học sinh theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất và được phê duyệt trên môi trường mạng internet.

+ Tổ chức dạy học: các đã tổ chức dạy học đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình GDPT 2018; phân phối chương trình một số môn học bước đầu đã thể hiện yêu cầu đổi mới của Chương trình GDPT 2018. Thực hiện việc đánh giá, xếp loại HS: đối với lớp 6, lớp 7, lớp 8 thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về việc Quy định về đánh giá HS THCS và

THPT; đối với lớp 9, thực hiện theo Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS và THPT ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GDĐT. Các trường chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn xây dựng ma trận, đặc tả ma trận đề kiểm tra chung cho toàn trường các bài kiểm tra định kì của các môn học ở từng khối/lớp.

- Trong quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện quy chế chuyên môn tại một số trường còn một số tồn tại sau:

+ Kế hoạch giáo dục của một số trường xây dựng chưa rõ việc triển khai tổ chức dạy học nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; chưa cụ thể về việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong năm học. Kế hoạch tổ chuyên môn của các tổ bộ môn chưa cụ thể một số nội dung (*kiểm tra chuyên đề, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn*). Việc bố trí dạy học các môn học và hoạt động giáo dục chưa thực sự linh hoạt và khoa học (*nội dung giáo dục địa phương chưa thực sự tương ứng với chương trình quốc gia, dàn đều 01 tiết/tuần; nội dung HĐTNHN lựa chọn 03 hình thức (SHDC, SHL, GD theo chủ đề), mỗi hình thức 35 tiết, bố trí 01 tiết/tuần/mỗi hình thức*).

+ Việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học ở một số trường học chưa thực sự rõ nét; việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh hiệu quả chưa cao; công tác phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh ở một số đơn vị chưa được tiến hành thường xuyên; việc cập nhật cơ sở dữ liệu ngành, chế độ thông tin, báo cáo của các trường học còn chậm.

3. Chỉ đạo triển khai các khoản thu từ người học; hướng dẫn việc mua sắm, sử dụng, bảo quản tài sản, thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học

3.1. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai các khoản thu từ người học

- Phòng GDĐT đã cập nhật các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện của cấp có thẩm quyền về thực hiện các khoản thu từ người học để tham mưu UBND huyện ban hành văn bản và xây dựng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai thực hiện đạt hiệu quả⁵.

- Trong từng năm học, Phòng GDĐT đã thành lập các tổ thẩm định các khoản thu và ban hành thông báo đến từng trường học để các cơ sở giáo dục tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo quy định⁶. Thực hiện nghiêm túc các bước, quy trình thẩm định và thông báo các khoản thu theo quy định. Chỉ đạo các đơn vị xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có các điều khoản về thu, quản lý và sử dụng các khoản thu từ người học để làm căn cứ pháp lý khi thực hiện⁷.

- Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục được kiểm tra đã tiến hành công khai cơ sở vật chất, các khoản thu từ người học, công tác tài chính, xây dựng, mua sắm, chế độ chính sách đối với CBQL, GV, NV, người lao động và người học,...theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

⁵ Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang; Hướng dẫn số 1259/SGDĐT-KHTC ngày 09/8/2023 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Bắc Giang

⁶ Năm học 2021-2022: Thông báo số 15/TB-PGD&ĐT ngày 11/10/2021; Năm 2022-2023: Thông báo số 21/TB-PGD&ĐT ngày 24/10/2022. Năm 2023-2024: Thông báo số 547/TB-PGD&ĐT ngày 5/10/2023.

⁷ Công văn số 386/PGD&ĐT ngày 15/9/2022; Công văn số 358/PGD&ĐT ngày 28/8/2021; Công văn số 42/PGD&ĐT ngày 7/10/2022; Công văn số 45/PGD&ĐT ngày 21/9/2023 về việc thẩm định, phê duyệt các khoản thu dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập.

- Việc thẩm định các khoản thu đối với các cơ sở giáo dục: hồ sơ thẩm định chưa quy định cụ thể thời gian thu các khoản thu (*thu vào tháng nào trong năm học*); thông báo của Phòng GDĐT khi thẩm định các khoản thu đồng phục, kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, ứng dụng chuyển đổi số, xã hội hóa giáo dục chưa đầy đủ, chi tiết các nội dung để các cơ sở giáo dục thống nhất thực hiện⁸.

3.2. Hướng dẫn việc mua sắm, sử dụng bảo quản tài sản, thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học

- Phòng GDĐT đã cập nhật các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền để làm căn cứ pháp lý khi chỉ đạo, hướng dẫn các trường học trực thuộc thực hiện việc mua sắm, sử dụng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, tài sản, thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học⁹.

- Việc mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học được các cơ sở giáo dục quan tâm thực hiện, bước đầu đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN, Chương trình GDPT 2018. Việc hướng dẫn mua sắm, sử dụng bảo quản tài sản, thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học được lồng ghép với trong hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, công tác tham mưu, phối hợp với các cơ quan chức năng để hướng dẫn các trường chủ động mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ triển khai thực hiện Chương trình GDPT năm 2018 còn chậm.

- Việc mua sắm, sử dụng bảo quản tài sản, thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học tại các trường MN, TH, THCS:

+ Đối với các trường MN: các cơ sở GDMN đã thực hiện nghiêm túc việc rà soát, mua sắm, bổ sung tài liệu, học liệu, đồ dùng, đồ chơi, phần mềm hỗ trợ cho CBQL, GV trong công tác xây dựng hồ sơ sổ sách quản lý và kế hoạch giáo dục trẻ; đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình GDMN bằng ngân sách Nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác và thực hiện theo đúng các hướng dẫn của tỉnh và theo Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 về Quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN.

+ Đối với các trường TH và các trường THCS: việc mua sắm, sửa chữa, bảo quản và sử dụng cơ sở vật chất, sách giáo khoa, thiết bị, đồ dùng dạy học được các trường học quan tâm chỉ đạo thực hiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018, cụ thể: việc lập kế hoạch cải tạo CSVC, mua sắm đồ dùng, thiết bị dạy học theo lộ trình thực hiện Chương trình SGK mới được thực hiện đúng, đủ, sát thực tế; các thiết bị, đồ dùng dạy học được tiếp nhận, nhập sổ, phân bổ, bàn giao cho GV, NV quản lý, sử dụng kịp thời, đầy đủ, hợp lý.

- Việc theo dõi, quản lý và sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học ở một số trường được thanh tra, kiểm tra chưa đầy đủ (*hồ sơ theo dõi chưa cập nhật kịp thời những thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học bị hỏng*).

⁸ Đồng phục chưa rõ quy định mẫu mã, logo, chất liệu, màu sắc, kiểu dáng; dạy kỹ năng sống chưa cụ thể nội dung; hoạt động trải nghiệm chưa nêu cụ thể tổ chức nội dung gì; dịch vụ ứng dụng chuyển đổi số là sử dụng dịch vụ gì; xã hội hóa giáo dục để hỗ trợ cơ sở vật chất chưa cụ thể nội dung; đồ dùng, dụng cụ, tài liệu chưa cụ thể danh mục, số lượng, kiểu mẫu, yêu cầu của từng loại đồ dùng, dụng cụ, tài liệu.

⁹ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 21/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị tổ chức thực hiện mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang...

4. Việc khắc phục các tồn tại, hạn chế qua các cuộc thanh tra, kiểm tra

Những tồn tại, hạn chế được chỉ ra qua cuộc kiểm tra của Sở GDĐT và của các cơ quan chức năng khác (từ tháng 9/2021 đến tháng 10/2023) đã được Phòng GDĐT cùng các cơ sở giáo dục trực thuộc tổ chức khắc phục và rút kinh nghiệm cơ bản triệt để, hồ sơ lưu trữ đầy đủ; từng bước nâng cao hiệu quả công tác tham mưu và quản lý nhà nước về giáo dục của Phòng GDĐT trên địa bàn huyện.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Từ năm học 2021-2022 đến thời điểm thanh tra (tháng 11/2023), Phòng GDĐT huyện Hiệp Hòa đã tham mưu Huyện ủy, HĐND, UBND huyện thông qua và ban hành các văn bản chỉ đạo hoạt động giáo dục trên địa bàn huyện phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, cụ thể:

- Trong công tác kiểm tra chuyên ngành, PBGDPL: Phòng GDĐT đã cập nhật các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền để xây dựng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trực thuộc trên địa bàn huyện thực hiện; kết quả, bước đầu có sự chuyển biến tích cực tại các cơ sở giáo dục về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra nội bộ trường học; PBGDPL.

- Chỉ đạo việc thực hiện quy chế chuyên môn: Phòng GDĐT đã cập nhật và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trực thuộc thực hiện quy chế chuyên môn; nội dung các văn bản ban hành đã bám sát các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, nhất là triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong từng năm học. Các cơ sở giáo dục trực thuộc trên địa bàn huyện đã xây dựng các văn bản triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học đảm bảo theo các văn bản chỉ đạo của cấp trên, một số nội dung thực hiện nhiệm vụ năm học của các trường đã có sự sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai các khoản thu từ người học và hướng dẫn việc mua sắm, sử dụng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, tài sản, thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học:

+ Phòng GDĐT đã xây dựng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trực thuộc thực hiện đầy đủ việc thiết lập hồ sơ triển khai thu, quản lý, sử dụng các khoản thu từ người học để các đơn vị tổ chức thực hiện; thực hiện nghiêm túc các bước, quy trình thẩm định và thông báo các khoản thu theo quy định.

+ Hướng dẫn việc mua sắm, sử dụng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, tài sản, thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học: chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện đầy đủ theo thẩm quyền quản lý về mua sắm, sử dụng SGK, tài liệu tham khảo, tài sản, thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học; các cơ sở giáo dục trực thuộc trên địa bàn đã nghiêm túc triển khai và thiết lập hồ sơ cơ bản đảm bảo theo quy định.

Phòng GDĐT đã quán triệt cụ thể hóa đường lối, chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn huyện; bố trí, sắp xếp, phân công nhiệm vụ cho lãnh đạo, chuyên viên phù hợp với trình độ, năng lực và vị trí việc làm; tham mưu với cấp có thẩm quyền đề ra một số nhiệm vụ kế hoạch cụ thể sát thực tế đúng đối tượng; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn huyện.

2. Hạn chế

Trong quá trình chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trực thuộc thực hiện nhiệm vụ năm học, còn một số tồn tại sau:

- Công tác kiểm tra chuyên ngành, PBGDPL:

+ Trong từng năm học, việc xây dựng các kế hoạch kiểm tra chuyên ngành, PBGDPL chưa chi tiết nội dung kiểm tra đối với từng cơ sở giáo dục; thiết lập hồ sơ các cuộc kiểm tra chuyên ngành chưa ghi cụ thể nội dung kiểm tra trong quyết định kiểm tra; chưa lựa chọn một số nội dung trọng tâm, trọng điểm phù hợp với đối tượng kiểm tra trong từng cuộc kiểm tra.

+ Việc cập nhật văn bản quy phạm pháp luật đăng tải trên chuyên mục PBGDPL; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục trực thuộc thực hiện công tác pháp chế, trong đó có lĩnh vực PBGDPL của Phòng GDĐT chưa được tiến hành thường xuyên để CBQL, GV, NV, người học, cha mẹ người học nắm bắt kịp thời và thi hành pháp luật đầy đủ, nhất là hệ thống pháp luật về giáo dục và đào tạo.

- Chỉ đạo việc thực hiện quy chế chuyên môn: Phòng GDĐT chưa tiến hành kiểm tra, giám sát thường xuyên các cơ sở giáo dục trực thuộc để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các cơ sở giáo dục khi tổ chức thực hiện quy chế chuyên môn, cụ thể:

+ Đối với giáo dục MN: việc xây dựng kế hoạch giáo dục, chưa đảm bảo cân đối số giờ học trong 01 lĩnh vực; một số cơ sở GDMN xây dựng thực đơn chưa đảm bảo đầy đủ theo hướng dẫn chuyên môn; việc hỗ trợ chuyên môn đối với cơ sở MN độc lập tự thực trên địa bàn chưa cụ thể, chi tiết; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn chưa có nhiều sáng tạo, thay đổi về hình thức.

+ Đối với giáo dục TH: tỷ lệ học sinh trên lớp của một số khối lớp ở một số trường trên địa bàn huyện vượt quá quy định của Bộ GDĐT, khó khăn trong tổ chức dạy và học; việc chỉ đạo thực hiện mô hình bơi chất lượng chưa cao; tỉ lệ giáo viên/lớp, số phòng chức năng hiện tại của một số đơn vị chưa đáp ứng đầy đủ để thực hiện Chương trình GDPT 2018 trong những năm học tiếp theo.

+ Đối với giáo dục THCS: chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục trực thuộc xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ năm học và đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học ở một số trường học; việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; công tác phối hợp nhà trường - gia đình - xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh; việc cập nhật cơ sở dữ liệu ngành, chế độ thông tin, báo cáo chưa được tiến hành thường xuyên, hiệu quả chưa cao.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai các khoản thu từ người học; hướng dẫn việc mua sắm, sử dụng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, tài sản, thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học: Phòng GDĐT chưa tiến hành kiểm tra thường xuyên để kịp thời hướng dẫn các cơ sở giáo dục trực thuộc thực hiện các khoản thu từ người học và tiến hành mua sắm, sử dụng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, tài sản, thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học. Các cơ sở giáo dục khi triển khai thực hiện, còn chưa chủ động liên hệ với Phòng GDĐT và các cơ quan có liên quan để thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định.

3. Nguyên nhân của những hạn chế

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Hiệp Hòa là huyện có địa hình trải dài, tiếp giáp với huyện Yên Phong (có khu công nghiệp lớn), tỉnh Bắc Ninh; huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; huyện Việt Yên, Tân Yên tỉnh Bắc Giang...gần các trung tâm kinh tế phát

triển, ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế và mặt trái của cơ chế thị trường đã tác động đến các hoạt động văn hóa-xã hội, trong đó có giáo dục và đào tạo.

- Điều kiện kinh tế - xã hội các xã, thị trấn trên địa bàn huyện giai đoạn 2015-2020 còn gặp nhiều khó khăn, việc đầu tư cho các cơ sở giáo dục chưa được nhiều. Giai đoạn 2021-2025, địa phương đã dành mọi nguồn lực đầu tư cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn; xong do xuất phát điểm còn thấp, nên một số chỉ số về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học chưa đạt mặt bằng chung của tỉnh (*tỷ lệ kiên cố hóa phòng học đến thời điểm hiện tại là 96%, mặt bằng chung của tỉnh là 96,4*).

- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (*năm học 2021-2022*); Phòng GDĐT phải điều chỉnh kế hoạch, chỉ đạo các trường triển khai mục tiêu kép vừa bảo đảm an toàn sức khỏe của học sinh, giáo viên; vừa hoàn thành kế hoạch năm học. Các cơ sở giáo dục chịu nhiều tác động của đại dịch (*thời gian phải ngừng dạy học hoặc chuyển sang dạy học trực tuyến*).

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác xây dựng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục trực thuộc; bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; việc tuyên truyền, PBGDPL; tổ chức các đoàn kiểm tra chuyên ngành để kiểm tra việc thực thi pháp luật các trường học; việc yêu cầu các nhà trường khắc phục những tồn tại đã chỉ ra trong các cuộc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng...; chưa được tiến hành thường xuyên, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả công việc của Phòng GDĐT.

- Việc cập nhật các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện của một số cơ sở giáo dục chưa đầy đủ, kịp thời; năng lực điều hành, khả năng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện của người đứng đầu ở một số đơn vị còn hạn chế; công tác tự kiểm tra để kịp thời khắc phục những tồn tại chưa được tiến hành thường xuyên.

4. Kiến nghị

4.1. Đề nghị UBND huyện Hiệp Hòa

- Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục trên địa bàn huyện theo quy định¹⁰; tiếp tục triển khai các kế hoạch của UBND tỉnh về đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị thực hiện mua sắm thiết bị, đồ chơi, đồ dùng dạy học; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về công tác tài chính cho chủ tài khoản (*Hiệu trưởng*) và nhân viên kế toán để các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện thực hiện đầy đủ và đúng các quy định về quản lý tài chính, tài sản. Chỉ đạo Phòng Nội vụ phối hợp với Phòng GDĐT và các cơ quan chức năng tham mưu UBND huyện đề nghị tuyển dụng và bố trí đủ biên chế GV, NV; tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nâng cao hiệu quả về công tác văn thư, lưu trữ.

- Chỉ đạo các phòng, ban của huyện và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tiếp tục đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục để thực hiện tốt Chương

¹⁰ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ Quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục; Quyết định số 1436/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017- 2025; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 21/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai lập quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn năm 2050; Kế hoạch số 155/KH-UBND của UBND tỉnh về việc đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện Chương trình GDMN và GDPT giai đoạn 2019-2025...

trình GDMN, Chương trình GDPT 2018; duy trì đảm bảo các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc sử dụng các nguồn lực tài chính, quản lý tài sản, cơ sở vật chất; bố trí, sử dụng đội ngũ; thực hiện quy chế chuyên môn... đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện đạt hiệu quả.

- Chỉ đạo Phòng GDĐT tham mưu xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các kiến nghị đã chỉ ra trong Kết luận thanh tra.

4.2. Đối với Phòng GDĐT Hiệp Hòa

- Tham mưu với Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Hiệp Hòa xây dựng kế hoạch, triển khai có hiệu quả các nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang về phát triển GDĐT giai đoạn 2020-2025; tiếp tục chuẩn hóa hệ thống trường lớp, đội ngũ CBQL, GV, NV đáp ứng yêu cầu Chương trình GDMN, Chương trình GDPT 2018; phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức bồi dưỡng phương pháp dạy học theo Chương trình GDMN, Chương trình GDPT 2018; từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL giáo dục và GV các cấp đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu để tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học.

- Tiếp tục rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục trên địa bàn huyện; tham mưu UBND huyện sắp xếp các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã, thị trấn phù hợp về quy mô và khoảng cách; tiếp tục phối hợp với Phòng Nội vụ và các cơ quan chức năng, tham mưu UBND huyện có các giải pháp trình cấp có thẩm quyền tuyển dụng bổ sung lực lượng GV, NV còn thiếu ở các bậc học trong năm học sau; tham mưu UBND huyện bố trí, sắp xếp đội ngũ CBQL, GV, NV phù hợp với từng bậc học đảm bảo tính liên thông cấp học đối với một số môn học (*đủ định mức lao động với giáo viên*).

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động dạy học, giáo dục; khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện các phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; triển khai thực hiện hiệu quả Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, PBGDPL đến các nhà trường; chú trọng việc theo dõi, đôn đốc xử lý sau kiểm tra đối với các cơ sở giáo dục.

- Tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện kịp thời khó khăn vướng mắc để chỉ đạo, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở giáo dục trực thuộc.

- Chỉ đạo cán bộ, chuyên viên Phòng GDĐT; hiệu trưởng các trường học được thanh tra, kiểm tra tiến hành rà soát, xây dựng kế hoạch và tổ chức khắc phục triệt để những hạn chế được chỉ ra trong Kết luận thanh tra.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc chưa được thanh tra, kiểm tra trên cơ sở Kết luận này; tự rà soát, kiểm tra và khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế (*nếu có*).

4.3. Đối với các trường học được kiểm tra

Căn cứ những tồn tại, hạn chế được chỉ ra tại Kết luận này, Hiệu trưởng từng trường tổ chức rút kinh nghiệm về việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao; làm rõ trách nhiệm từng cá nhân; xây dựng kế hoạch khắc phục triệt để những hạn chế; báo cáo (*bằng văn bản*) kết quả thực hiện với Trưởng phòng GDĐT sau 15 ngày, kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra (*Quy trình, các biểu mẫu thực hiện theo Công văn số 239/SGDĐT-TTr ngày 11/3/2020 của Giám đốc Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện kết luận, kiến nghị, xử lý sau thanh tra*).

IV. BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG: không.**V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ****1. Xử lý kinh tế:** không.**2. Xử lý hành chính:** không.

Chánh Thanh tra Sở GDĐT giao Trưởng phòng GDĐT huyện Hiệp Hòa có trách nhiệm tổ chức công khai Kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Kết luận, khắc phục hạn chế sau thanh tra; báo cáo kết quả khắc phục những hạn chế sau 15 ngày, kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra gửi Sở GDĐT (*qua Thanh tra Sở*); quy trình, các biểu mẫu thực hiện theo Công văn số 239/SGDĐT-TTr ngày 11/3/2020 của Giám đốc Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện kết luận, kiến nghị sau thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra chuyên ngành giáo dục đối với Phòng GDĐT Hiệp Hòa; Thanh tra Sở GDĐT phối hợp với Phòng GDĐT tổ chức công bố, công khai Kết luận thanh tra theo quy định; theo dõi, đôn đốc tập thể, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc Kết luận thanh tra; tiến hành kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra và việc khắc phục sau thanh tra đảm bảo theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ GDĐT;
- Thanh tra tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- UBND huyện Hiệp Hòa;
- VP, TTr, các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Phòng GDĐT Hiệp Hòa (đề t/h);
- Các trường được kiểm tra (đề t/h);
- Công thông tin điện tử Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TTr.Tuấn.

CHÁNH THANH TRA**Lê Thị Thu Hương**

Phụ lục II

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

(Kèm theo Kết luận thanh tra số /KL-TTr ngày /01/2024 của Chánh Thanh tra Sở GDĐT Bắc Giang)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển Cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
I	CÁ NHÂN					
1						
2						
II	TỔ CHỨC					
1						
2						

Phụ lục III**TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT
HOẶC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH***(Kèm theo Kết luận thanh tra số /KL-TTr ngày /01/2024 của Chánh Thanh tra Sở GDĐT Bắc Giang)*

STT	Nội dung kiến nghị	Thông tin về văn bản kiến nghị hoàn thiện			Ghi chú
		Số văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	
I	KIẾN NGHỊ BÃI BỎ				
1					
2					
II	KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG				
1					
III	KIẾN NGHỊ BAN HÀNH MỚI				
1					
2					

